

Bản án số: 108/2026/HS-PT
Ngày: 05/9/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Điền

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Thuần và bà Dương Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà rô Lan Tiên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Huy Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 114/2026/TLPT-HS ngày 07 tháng 8 năm 2026, đối với bị cáo Dương Thị Hồ Đ và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2026/HS-ST ngày 21/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Dương Thị Hồ Đ, sinh năm 1983 tại tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 051183002751, cấp ngày 22/4/2021; nơi thường trú: Tổ dân phố C, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Tấn T (đã chết) và bà Đỗ Thị L; có chồng là Lê Đức N, sinh năm 1978 và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2023 đến ngày 31/10/2023, hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Dương Châu H, sinh năm 1990 tại tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 051090002047, cấp ngày 22/4/2021; nơi thường trú: Tổ dân phố C, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Tấn T (đã chết) và bà Đỗ Thị L; có vợ Lê Thị Như V, sinh năm 1995 và có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2023 đến ngày 31/10/2023, hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Huỳnh Ngọc T1, sinh năm 1990 tại tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 051090012950, cấp ngày: 28/6/2021; nơi thường trú: Thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Đình T2 và bà Võ Thị N1; có vợ là Huỳnh Thị Tuyết T3, sinh năm 1993 và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/8/2024 đến ngày 21/12/2024, hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Đỗ Thị Kim T4, sinh năm 1995 tại tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 051195014541, cấp ngày 10/8/2022; nơi thường trú: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị T5; có chồng là Nguyễn Minh H1, sinh năm 1988 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Võ Trường H2, sinh năm 1986 tại tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 051086007708, cấp ngày 09/3/2026; nơi thường trú: Thôn Đ, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không xác định được và bà Võ Thị C1; có vợ là Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1985 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Minh M, sinh năm 1984 tại tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 051084009667, cấp ngày 10/7/2024; nơi thường trú: thôn S, xã V, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh P và bà Trần Thị Đ1; có vợ là Nguyễn Thị L1, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. Lê Quang H3, sinh năm 1967 tại tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 051067016902, cấp ngày 04/3/2022; nơi thường trú: Thôn T, xã V, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức H4 (đã chết) và bà Phạm Thị É; có vợ là Phạm Thị L2, sinh năm 1964 và có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1991 tại tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 051091007813, cấp ngày 11/01/2022; nơi thường trú: Thôn P, xã V, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L3

và bà Huỳnh Thị L4; có vợ là Lê Thị T6, sinh năm 1992, chưa có con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Thanh D1, sinh năm 1994 tại tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 051094015688, cấp ngày 05/12/2021; nơi thường trú: Thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn M1 và bà Trương Thị P1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

10. Phan Minh K, sinh năm 1985 tại tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 051085000215, cấp ngày 09/01/2025; nơi thường trú: 381/29 đường N, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên văn phòng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan D2 và bà Nguyễn Thị T7; có vợ là Trương Thị Mỹ H5, sinh năm 1985 và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Minh K: Ông Đồng Mây Hồng T8, Luật sư thuộc Hãng luật H9, Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: A N, KDC V, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có Đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tóm tắt nội dung vụ án

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 01/2020 đến ngày 31/5/2023, lợi dụng kết quả xổ số kiến thiết của các tỉnh ở các đài M, Miền T9 và M, Dương Thị Hồ Đ (sau đây gọi tắt là Đ) đã tổ chức đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề cho nhiều người đánh bạc để thắng thua bằng tiền; Đ sử dụng 02 số thuê bao di động 0339961437 và 0382138400 để nhận cuộc gọi, tin nhắn đến từ những người đánh bạc; sử dụng số điện thoại 0339961437 đăng ký mạng xã hội Zalo và tự cài đặt tên người sử dụng là “Dương Thị Hồ Đ” để nhận, chuyển đi tích số lô đề, trao đổi nội dung liên quan đến số tiền đánh bạc với nhiều người khác; trực tiếp nhận ghi số lô, đề cho người đánh bạc. Đối với người mua số lô, đề nhắn tin qua SMS và nhắn tin qua Zalo, Đ đồng ý bán thì nhắn tin trả lời “Ok”. Đối với người mua số lô, đề trực tiếp đến mua thì Đ sẽ ghi số lô, đề và số tiền đánh lô, đề vào tờ giấy của mình (gọi là tờ tích đề) để đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết của Đ tương ứng đã chọn sau khi mở thưởng, đồng thời viết số lô, đề và số tiền đánh lô, đề vào tờ giấy đã chuẩn bị sẵn (gọi là phôi đề) rồi đưa cho người mua lô, đề và nhận tiền đánh lô, đề; Đ bán số lô, đề gồm các loại: số lô (gọi là bao lô), số đề (gọi là đánh đầu đuôi), số xiên (gọi là đánh 02 cặp số); số ba chân (gọi là đánh ba chân). Đặt ra quy ước chơi với người chơi: 1 điểm = 1.000đ, người đánh đề

trúng 1.000đ sẽ được chung 70.000đ. Đài M và Miền T9: gồm 18 lô, Đài M: gồm 27 lô. Theo thỏa thuận giữa Đ và người chơi, đối với đài Miền T9 và M: 1 điểm lô = 13.000đồng; trích 20% cho người chơi khi mua số đề; đài Miền B: 1 điểm lô = 20.000đồng và trích 20% cho người chơi khi mua số đề. Số tiền thắng, thua (thường được gọi là dương, âm) từ việc chơi lô đề giữa Đ với các đối tượng khác sẽ được thanh toán thông qua hai hình thức là chuyển khoản và trả trực tiếp bằng tiền mặt. Cụ thể: người mua số lô, đề sẽ chuyển tiền vào tài khoản 0271001012237 của Đ mở tại ngân hàng V1 chi nhánh tỉnh Q nếu người chơi thua. Trường hợp người chơi thắng thì Đ chuyển tiền vào tài khoản do người mua số lô, đề cung cấp.

Sau khi bán số lô, đề cho những người chơi lô, đề thì Đ chuyển một phần tịch đề đã bán được cho Dương Châu H (sau đây gọi tắt là H) - là em ruột của Đ hưởng 19,5% của tổng số tiền đánh bạc trên tịch đề ở cả 03 đài M, M, Miền B đã chuyển H để hưởng hoa hồng. Còn lại Đ giữ lại để trực tiếp thắng thua với người chơi lô, đề. Đối với H, sau khi nhận số lô, đề của Đ thì H chuyển toàn bộ tịch đề cho Huỳnh Ngọc T1 (sau đây gọi tắt là T1) để hưởng tiền hoa hồng là 0,5% của tổng số tiền trên tịch đề ở cả 03 đài M, M và Miền B đã chuyển cho T1.

Đối với Dương Thị Hồ Đ: trong thời gian từ tháng 01/2020 đến ngày 31/5/2023, Đ đã tổ chức đánh bạc dưới hình thức bán số lô, đề ở cả 03 đài M, M, Miền B cho nhiều người đánh bạc dưới hình thức chơi số lô, đề để thắng thua bằng tiền với tổng số tiền đánh bạc là 9,042,012,000đồng (chín tỷ, không trăm bốn mươi hai triệu, không trăm mười hai nghìn đồng), trong đó xác định được một số người đánh bạc như sau:

1. Lâm Văn H6 (sau đây gọi tắt là H6): từ ngày 21/01/2023 đến ngày 21/3/2023, H6 đã sử dụng số điện thoại 0989.443.531 do H6 đứng tên chủ thuê bao để đăng ký tài khoản mạng xã hội Z và lấy tên người sử dụng là “Văn H6” để kết bạn cùng tài khoản Zalo của Đ. Sau đó, H6 sử dụng tài khoản Zalo để mua số lô, số đề của đài là: M, Miền T9 và M của Đ với tổng cộng 161 lượt tổng số tiền đánh bạc là 2,063,495,000đ (tiền đánh bạc trên tịch đề là 1,202,595,000đ và tiền thắng là 860,900,000đ), trong đó có 02 lần có số tiền đánh bạc từ 50,000,000đ trở lên vào các ngày 19/01/2023 và ngày 04/02/2023 của đài miền B.

2. Đỗ Thị Kim T4 (sau đây gọi tắt là T4): từ ngày 29/6/2022 đến ngày 10/7/2022, T4 đã sử dụng số điện thoại 0964.167.907 do T4 đứng tên chủ thuê bao để đăng ký tài khoản mạng xã hội Z và lấy tên người sử dụng là “Hoa Đơn Mẫu” kết bạn với tài khoản Zalo của Đ để mua số lô, số đề của 03 đài là: Miền Nam, Miền T9 và Miền B với tổng cộng 121 lượt tổng số tiền đánh bạc là 1,561,330,000đ (tiền đánh bạc trên tịch đề là 1,127,330,000đ và tiền thắng là 434,000,000đ), trong đó có 02 lần T4 đánh bạc với số tiền từ 50,000,000đ trở lên vào các ngày: 16/7/2022 đài M4 và ngày 02/8/2022 đài Miền B.

3. Võ Trường H2 (sau đây gọi tắt là H2): từ ngày 07/4/2023 đến ngày 31/5/2023, H2 sử dụng số điện thoại 0914.579.667 do H2 đứng tên chủ thuê bao

để đăng ký tài khoản mạng xã hội Z và lấy tên người sử dụng là “Hận Tg” kết bạn cùng tài khoản Zalo của Đ để mua số lô, số đề ở cả 03 đài là: Miền Nam, Miền T9 và M của Đ với tổng cộng 161 lượt tổng số tiền đánh bạc là 2,103,110,000đ (tiền đánh bạc trên tịch đề là 1,284,110,000đ và tiền thắng là 819,000,000đ), trong đó có 160 lượt số tiền đánh bạc mỗi lần trên 5,000,000đ, không có lần nào có số tiền đánh bạc từ 50,000,000đ trở lên.

4. Nguyễn Minh M (sau đây gọi tắt là M): thông qua H6 thì M có tài khoản Zalo của Đ nên M đã sử dụng số điện thoại 0907.336.762 do M đứng tên chủ thuê bao để đăng ký tài khoản mạng xã hội Z và lấy tên người sử dụng là “Nguyenminhmy” kết bạn với tài khoản Zalo của Đ. Từ ngày 06/12/2022 đến ngày 16/5/2023, M bắt đầu sử dụng tài khoản tên “Nguyenminhmy” để tiến hành mua số lô, số đề ở đài M và đài Miền Bắc của Đ với tổng cộng 88 lượt tổng số tiền đánh bạc là 475,350,000đ (tiền đánh bạc trên tịch đề là 300,750,000đ và tiền thắng là 174,600,000đ), trong đó có 22 lượt số tiền đánh bạc mỗi lần trên 5,000,000đ, không có lần nào có số tiền đánh bạc từ 50,000,000đ trở lên.

5. Trần Vũ T10 (sau đây gọi tắt là T10): từ ngày 20/5/2023 đến ngày 31/5/2023, T10 đã sử dụng số điện thoại 0898.389.509 do T10 đứng tên chủ thuê bao, sau đó nhắn tin đến số thuê bao 0339961437 của Đ để tham gia đánh bạc dưới hình thức mua số lô, số đề ở đài M và Miền T9 tổng cộng 24 lượt tổng số tiền đánh bạc là 390,380,000đ (tiền đánh bạc trên tịch đề là 248,880,000đ và tiền thắng là 141,500,000đ), mỗi lượt đánh bạc đều số tiền trên 5,000,000đ và không có lần nào từ 50,000,000đ trở lên.

6. Lê Quang H3 (sau đây gọi tắt là H3): trong thời gian đi mua heo trên địa bàn xã B thì H3 biết Đ bán số lô, số đề, thắng thua bằng tiền nên H3 sử dụng số điện thoại 0777.433.501 do H3 đứng tên chủ thuê bao để đăng ký tài khoản mạng xã hội Z và lấy tên người sử dụng là “Quang Hung” kết bạn cùng tài khoản Zalo của Đ. Từ ngày 26/6/2020 đến ngày 09/8/2020, H3 bắt đầu sử dụng tên tài khoản “Quang Hung” để mua số lô, số đề ở đài M và đài Miền Bắc của Đ với tổng cộng 49 lượt tổng số tiền đánh bạc là 286,630,000đ (tiền đánh bạc trên tịch đề là 189,330,000đ và tiền thắng là 97,300,000đ), trong đó có 22 lượt số tiền đánh bạc mỗi lần trên 5,000,000đ, không có lần nào có số tiền đánh bạc từ 50,000,000đ trở lên.

7. Nguyễn Thanh D1 (sau đây gọi tắt là D1): trong thời gian từ năm 2020 đến 2023, D1 sử dụng số điện thoại 0865.730.737 do D1 đứng tên chủ thuê bao để đăng ký tài khoản mạng xã hội Z và lấy tên người sử dụng là “Duy”. Sau đó, kết bạn cùng tài khoản Zalo của Đ và từ ngày 22/6/2020 đến ngày 18/3/2023 D1 sử dụng tài khoản Zalo tên “D1” để mua số lô, số đề ở cả 03 đài M, M và M của Đ. Đồng thời, D1 sử dụng số thuê bao 0345110636 do D1 đăng ký chủ sở hữu, sau đó nhắn tin (tin nhắn SMS) qua số thuê bao 0339961437 của Đ để đánh bạc dưới hình thức số lô, số đề với tổng cộng 49 lượt tổng số tiền đánh bạc là 152,870,000đ (tiền đánh bạc trên tịch đề là 96,870,000đ và tiền thắng là

56,000,000đ), trong đó có 09 lượt số tiền đánh bạc mỗi lần trên 5,000,000đ, không có lần nào có số tiền đánh bạc từ 50,000,000đ trở lên.

8. Nguyễn Văn Đ2 (sau đây gọi tắt là Đ2): từ ngày 23/3/2023 đến ngày 11/4/2023, Đoàn sử dụng số điện thoại 0335541257 do Đoàn đứng tên chủ thuê bao, sau đó nhắn tin qua số thuê bao 0339961437 do Đ đứng tên chủ thuê bao để mua số lô, đề ở đài M và Miền B với tổng cộng 23 lượt tổng số tiền đánh bạc là 134,055,000đ (tiền đánh bạc trên tịch đề là 113,055,000đ và tiền thắng là 21,000,000đ), trong đó có 12 lượt số tiền đánh bạc mỗi lần trên 5,000,000đ, không có lần nào có số tiền đánh bạc từ 50,000,000đ trở lên.

9. Phan Minh K (sau đây gọi tắt là K): K và Đ là bạn bè quen biết nhau nên K biết Đ bán số lô, số đề dưới hình thức trúng thua bằng tiền. K đã sử dụng số điện thoại 0938.217.008 do K đứng tên chủ thuê bao để đăng ký tài khoản Zalo kết bạn cùng tài khoản Z của Đ với tên tài khoản là “Dương Thị Hồ Đ”. Từ ngày 16/9/2022 đến ngày 21/5/2023, K bắt đầu sử dụng tài khoản Zalo để mua số lô, số đề ở cả 03 đài M, Miền T9 và Miền B của Đ với 40 lượt với tổng số tiền 58,180,000đ (tiền đánh bạc trên tịch đề là 41,530,000đ và tiền thắng là 16,650,000đ), trong đó có 02 lượt số tiền đánh bạc mỗi lần trên 5,000,000đ, không có lần nào có số tiền đánh bạc từ 50,000,000đ trở lên.

10. Trần L5 (sau đây gọi tắt là L5): từ ngày 11/7/2022 đến ngày 21/7/2022, L5 sử dụng số điện thoại 0976.960.977 do L5 đứng tên chủ thuê bao, sau đó nhắn tin qua số thuê bao 0339961437 của Đ để mua số lô, đề ở đài M và Miền B 04 lượt với tổng số tiền 16,920,000đ (tiền đánh bạc trên tịch đề là 10,620,000đ và tiền thắng là 6,300,000đ), trong đó có 02 lượt số tiền đánh bạc mỗi lần trên 5,000,000đ.

11. Phạm Hồng H7 (sau đây gọi tắt là H7): trong thời gian từ năm 2020 đến 2022, H7 làm việc tại cửa hàng Đ3 ở thôn E, xã B nên biết Đ bán số lô, số đề nên làm quen, sau đó sử dụng số điện thoại 036.764.9331 do H7 đứng tên chủ thuê bao để đăng ký tài khoản mạng xã hội Z và lấy tên người sử dụng là “Hoàng Lg” để kết bạn cùng tài khoản Zalo của Đ. Từ ngày 05/12/2022 đến ngày 23/12/2022, H7 bắt đầu sử dụng tài khoản tên “Hoàng Lg” để mua số lô, số đề ở cả 02 đài M và M của Đ với 09 lượt với tổng số tiền là 29,000,000đ (tiền đánh bạc trên tịch đề là 23,400,000đ và tiền thắng là 5,600,000đ), trong đó có 01 lượt số tiền đánh bạc mỗi lần trên 5,000,000đ, không có lần nào có số tiền đánh bạc từ 50,000,000đ trở lên.

12. Lê Đức N (sau đây gọi tắt là N), là chồng của Đ: vào các ngày 07/12/2022, 09/12/2022, 28/5/2023, N đã sử dụng mạng xã hội Zalo nhắn tin cho Đ để mua số lô, số đề với 05 lượt với tổng số tiền 11,610,000đ (không thắng), có 01 lần số tiền đánh bạc trên 5,000,000đ.

Các đối tượng khác:

- Nguyễn Văn M2, sinh năm 1964, nơi cư trú: thôn C, xã B, tỉnh Quảng Ngãi: từ ngày 26/3/2023 đến ngày 31/3/2023, M2 sử dụng số điện thoại 0915.905052 do M2 đứng tên chủ thuê bao, sau đó nhắn tin qua số thuê bao

0339961437 do Đ đứng tên chủ thuê bao để mua số lô, đề ở đài M và Miền B với 11 lượt với tổng số tiền 13,800,000đ (tiền đánh bạc trên tịch đề là 8,900,000đ và tiền thắng là 4,900,000đ), không có lần nào đánh bạc mỗi lần trên 5,000,000đ.

- Phạm H8, sinh năm 1977, nơi cư trú: thôn A, xã B, tỉnh Quảng Ngãi: từ ngày 29/4/2023 đến ngày 14/5/2023, Phạm H8 đã sử dụng số điện thoại 0905.613.458 do Phạm H8 đứng tên chủ thuê bao để đăng ký tài khoản Z và lấy tên người sử dụng là Phạm Huy . Sau đó, kết bạn cùng tài khoản Zalo của Đ. Sau đó, Phạm H8 sử dụng tài khoản Zalo tên “Phạm Huy” để mua số lô, số đề ở cả 02 đài M và M của Dương Thị Hồ Đ với 07 lượt với tổng số tiền 11,050,000đ (tiền đánh bạc trên tịch đề là 7,150,000đ và tiền thắng là 3,900,000đ), không có lần nào đánh bạc mỗi lần trên 5,000,000đ.

- Lê Nguyễn Bá P2 (sau đây gọi tắt là P2), sinh năm 1976, nơi cư trú: thôn D, xã B, tỉnh Quảng Ngãi: từ ngày 16/5/2023 đến ngày 29/5/2023, P2 sử dụng số điện thoại 0977.229.833 do P2 đứng tên chủ thuê bao để đăng ký tài khoản Z và lấy tên người sử dụng là “Lê Phúc”. Sau đó, kết bạn cùng tài khoản Zalo của Đ để mua số lô, số đề ở cả 02 đài Miền T9 và M của Đ 14 lượt với tổng số tiền 6,090,000đ (tiền đánh bạc trên tịch đề là 4,340,000đ và tiền thắng là 1,750,000đ), không có lần nào đánh bạc mỗi lần trên 5,000,000đ.

- Võ Minh T11 (sau đây gọi tắt là T11), sinh năm 1986, nơi cư trú: thôn T, phường T, tỉnh Quảng Ngãi: từ ngày 14/12/2022 đến ngày 23/12/2023, T11 sử dụng số điện thoại 0966.496.019 do T11 đứng tên chủ thuê bao để đăng ký tài khoản Zalo, lấy tên người sử dụng là “New” và kết bạn với tài khoản Zalo của Đ (do T11 và Đ có lưu số điện thoại của nhau nên mạng xã hội Zalo sẽ hiện thị tên trong danh bạ là T11.Kiều) để mua số lô, số đề ở cả 03 đài M, Miền T9 và Miền B của Đ 14 lượt với tổng số tiền 11,390,000đ (tiền đánh bạc trên tịch đề là 9,990,000đ và tiền thắng là 1,400,000đ), không có lần nào đánh bạc mỗi lần từ 5,000,000đ trở lên.

- Phạm Thị Y (sau đây gọi tắt là Y), sinh năm 1976, nơi cư trú: ở tại thôn A, xã B: Y và Đ là bạn bè quen biết nhau nên Y biết Đ bán số lô, số đề dưới hình thức thắng thua bằng tiền nên từ ngày 14/12/2022 đến ngày 23/12/2023, Y đã sử dụng số điện thoại 0357855179 do Y đứng tên chủ thuê bao sau đó nhắn tin qua số thuê bao 0339961437 của Đ để mua số lô, đề của các tỉnh ở các đài M và đài Miền Bắc 14 lượt với tổng số tiền 3,220,000đ (tiền đánh bạc trên tịch đề là 2,520,000đ và tiền thắng là 700,000đ), không có lần nào đánh bạc mỗi lần từ 5,000,000đ trở lên.

- Phạm M3 (sau đây gọi tắt là M3), sinh năm 1988, ở tại thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi: Đ và M3 là họ hàng với nhau nên M3 biết Đ bán số lô, đề. Từ ngày 22/4/2022 đến ngày 29/4/2022, M3 sử dụng số điện thoại 0918.900.884 do mình đứng tên chủ thuê bao và đăng ký tài khoản mạng xã hội Z và lấy tên người sử dụng là “Man Pham”. Sau đó, kết bạn cùng tài khoản Z của Đ với tên tài khoản Z là “Dương Thị Hồ Đ”. Sau khi kết bạn cùng nhau, M3 bắt đầu sử dụng tài khoản Zalo tên “Man Pham” để mua số lô, số đề ở đài M của Đ. Tại Đài M:

Mẫu tham gia đánh bạc 02 lượt với tổng số tiền dùng đánh bạc là: 600,000đ, không trúng thưởng.

- Nguyễn Công T12 (sau đây gọi tắt là T12), sinh năm 1988, ở tại thôn E, xã B, tỉnh Quảng Ngãi: Đ và T12 là hàng xóm nên quen biết nhau. Từ ngày 11/12/2022 đến ngày 17/12/2022, T12 đã sử dụng số điện thoại 0918.900.884 do mình đứng tên chủ thuê bao, đăng ký tài khoản mạng xã hội Z và lấy tên người sử dụng là “Nguyễn Công T12” kết bạn cùng tài khoản Zalo của Đ với tên tài khoản Z là “Dương Thị Hồ Đ”. Sau khi kết bạn cùng nhau, T12 bắt đầu sử dụng tài khoản Zalo tên “Nguyễn Công T12” để mua số lô, số đề ở đài M, Miền T9 và M của Đ. Tổng số tiền đánh bạc trên tịch đề ở đài M, Miền T9 và Miền B của T12 là: 3,785,000đ gồm tiền trên tịch đề là 2,385,000đ, số tiền trúng số lô, đề là: 1,400,000đ.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, Đ khai nhận còn bán số lô, số đề cho các tài khoản Zalo “Nguyễnthiha”, “Nguyễnminh”, “Nguyễn Thanh T13”, “A T14” nhưng do thời gian lâu nên không nhớ người có tên các tài khoản Zalo trên là ai vì những chủ tài khoản trên là người chơi vẫn lai biết Đ bán số lô, đề nên đã đến nhà xin số điện thoại để kết bạn zalo với Đ. Sau đó, sử dụng tài khoản Zalo nói trên để nhắn tin mua số lô, đề của Đ tại các đài miền B, miền T, miền N, cụ thể:

+ Tài khoản Zalo “Nguyễnthiha”: vào ngày 01/3/2021 nhắn tin vào Zalo của Đ của đài Miền B với tổng số tiền là 298,000đ.

+ Tài khoản Z “Nguyễnminh”: trong khoảng thời gian từ ngày 02/5/2020 đến ngày 19/6/2020 nhắn tin qua tài khoản zalo của Đ để mua số lô, số đề của đài miền B và miền T với tổng số tiền là 9,725,000đ, không có lần nào đánh bạc mỗi lần từ 5,000,000đ trở lên.

+ Tài khoản Zalo có tên “Nguyễn Thanh T13”: trong khoảng thời gian từ ngày 04/3/2020 đến ngày 21/3/2020 nhắn tin qua tài khoản zalo của Đ để mua số lô, số đề của đài miền B và miền T với tổng số tiền là 5,800,000đ, không có lần nào đánh bạc mỗi lần từ 5,000,000đ trở lên.

+ Tài khoản Zalo “A T14”: vào các ngày 31/5/2020 và 06/6/2020 đã nhắn tin qua tài khoản zalo của Đ để mua số lô, số đề của đài miền T với tổng số tiền 4,500,000đ.

Đối với H8 và T1: Theo thỏa thuận giữa H8 với Đ và T1 thì Đ sẽ được hưởng tiền hoa hồng là 19,5% của tổng số tiền đánh bạc ghi trên tịch đề đã chuyển cho H8; H8 sẽ được tiền hoa hồng là 0,5% của tổng số tiền đánh bạc ghi trên tịch đề đã chuyển cho T1. Sau khi nhận tịch đề từ H8 thì T1 (đài M5 kết thúc việc nhận tịch đề trước 16 giờ 15 phút, đài M kết thúc việc nhận tịch đề trước 17 giờ 15 phút và đài Miền Bắc kết thúc việc nhận tịch đề trước 18 giờ 15 phút). Sau khi có kết quả mở thưởng thì T1 sẽ đối chiếu với tịch đề đã nhận của H8. Trường hợp nếu kết quả mở thưởng có số lô, đề trùng với tịch đề thì T1 sẽ chung số tiền trúng cho H8 để H8 chuyển cho Đ chung cho người chơi; nếu trong tịch đề T1 đã nhận của H8 không có số lô, đề trùng với kết quả mở thưởng của các tỉnh thì T1 sẽ hưởng được toàn bộ số tiền trong tịch đề đã nhận.

Từ ngày 08/4/2022 đến ngày 31/5/2022, H8 tổ chức đánh bạc ở cả 03 đài miền N, miền T và miền B với tổng số tiền 1,076,078,000đ, trong đó tiền nhận tịch đề của Đ từ ngày 08/4/2022 đến ngày 13/5/2022 là 1,028,022,000đ và tiền ngày 31/5/2023 H8 nhận số lô, số đề từ Đ không thỏa thuận tiền hoa hồng là 48,056,000đ.

Từ ngày 08/4/2022 đến ngày 13/5/2022, T1 tổ chức đánh bạc ở cả 03 đài miền N, miền T và miền B (nhận tịch đề từ H8) với tổng số tiền 1,639,222,000đ, trong đó tiền đánh bạc trên tịch đề H8 nhận từ Đ là 1,028,022,000đ và tiền thắng là 611,200,000đ.

Số tiền hoa hồng Đ được hưởng là 200,464,290đ, số tiền hoa hồng H8 được hưởng là 5,140,110đ, số tiền T1 hưởng lợi từ việc tổ chức đánh bạc là 822,217,600đ, cụ thể: đài miền B, T1 tổ chức đánh bạc với tổng số tiền 876,757,000đ, số tiền hoa hồng Đ được hưởng lợi là 115,187,865đ, H8 được hưởng là 2,953,535đ; đài miền T, T1 tổ chức đánh bạc với tổng số tiền 369,020,000đ, số tiền hoa hồng Đ được hưởng lợi là 41,451,150đ, H8 được hưởng là 1,062,850đ; đài miền N, T1 tổ chức đánh bạc với tổng số tiền 393,445,000đ, số tiền hoa hồng Đ được hưởng lợi là 43,825,275đ, H8 được hưởng là 1,123,725đ.

Tại bản Kết luận giám định số 635/KL-KTHS, ngày 10/7/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q thể hiện dữ liệu trích xuất từ 02 điện thoại thu giữ của Dương Thị Hồ Đ được thể hiện trong 03 phụ lục kèm theo Kết luận gồm 1565 tờ (từ bút lục số 01- đến bút lục 1565).

Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2026/HS-ST ngày 21/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi đã quyết định:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Thị Hồ Đ 07 (bảy) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2023 đến ngày 31/10/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T1 06 (sáu) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2024 đến ngày 21/12/2024.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Châu H 05 (năm) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2023 đến ngày 31/10/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn H6 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm n, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Kim T4 04 (bốn) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Trường H2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh M 02 (hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Quang H3 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ2 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Hồng H7 01 (một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Minh K 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Vũ T10 số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng)

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần L5 số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng)

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đức N số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

2. Kháng cáo của các bị cáo

Ngày 24/4/2026, các bị cáo Dương Thị Hồ Đ, Võ Trường H2, Dương Châu H, Nguyễn Thanh D1, Phan Minh K, Huỳnh Ngọc T1 kháng cáo; ngày 28/4/2026, bị cáo Nguyễn Văn Đ2 kháng cáo; ngày 29/4/2026, bị cáo Nguyễn Minh M kháng cáo; ngày 04/5/2026, bị cáo Lê Quang H3 kháng cáo; ngày 06/5/2026, bị cáo Đỗ Thị Kim T4 kháng cáo. Nội dung kháng cáo như sau: Các bị cáo Đỗ Thị Kim T4, Lê Quang H3, Võ Trường H2, Dương Thị Hồ Đ, Dương Châu H, Nguyễn Thanh D1, Huỳnh Ngọc T1 kháng cáo xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tiền hoặc hưởng án treo; bị cáo Phan Minh K, Nguyễn Văn Đ2 kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 06/8/2026, các bị cáo Dương Thị Hồ Đ, Huỳnh Ngọc T1 có đơn kháng cáo bổ sung xin giảm nhẹ hình phạt ở mức đầu khung hình phạt.

Tài liệu nộp kèm theo kháng cáo: Các bị cáo Dương Thị Hồ Đ, Huỳnh Ngọc T1, Võ Trường H2, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Thanh D1, Lê Quang H3 có xác nhận hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình; bị cáo Nguyễn Văn Đ2 nộp thêm Biên lai thu tiền ngày 12/5/2026 bị cáo nộp số tiền thu lợi bất chính 29.673.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Q (*đã nộp hết số tiền thu lợi bất chính*); bị cáo Nguyễn Minh M nộp bản sao chứng thực Giấy báo tử liệt sỹ Nguyễn Minh Q, quyết định trợ cấp một lần cho gia đình liệt sỹ Nguyễn Minh Q, chứng nhận nhân thân liệt sỹ, huy chương kháng chiến của bà Nguyễn Thị C2, sổ điều trị tâm thần của bà Trần Thị T15, đơn xác nhận cảnh ngộ gia đình của bị cáo có xác nhận của chính quyền địa phương và các giấy tờ nhân thân có liên quan.

3. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm

3.1. Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bị cáo nói lời sau cùng đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

3.2. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả mà các bị cáo gây ra, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; qua đó, tuyên phạt các bị cáo Dương Thị Hồ Đ 07 năm tù; Huỳnh Ngọc T1 06 năm tù; Dương Châu H 05 năm tù cùng về tội “Tổ chức đánh bạc”; tuyên phạt các bị cáo Đỗ Thị Kim T4 04 năm

tù, Võ Trường H2 02 năm 06 tháng tù, Nguyễn Minh M 02 năm tù, Lê Quang H3 01 năm 08 tháng tù, Nguyễn Thanh D1 01 năm 06 tháng tù, Nguyễn Văn Đ2 01 năm 03 tháng tù, Phan Minh K 09 tháng tù cùng về tội “Đánh bạc” là phù hợp, đúng quy định.

Tại cấp phúc thẩm các bị cáo cung cấp thêm tài liệu mới thể hiện gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và hiện nay đều là lao động chính. Gia đình bị cáo Nguyễn Minh M có công cách mạng, bị cáo Nguyễn Văn Đ2 đã nộp hết số tiền thu lợi bất chính 29.673.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng thêm cho các bị cáo. Bị cáo Dương Thị Hồ Đ trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm đã nộp một phần tiền thu lợi bất chính là 80.000.000 đồng nên cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Nhận thấy có căn cứ chấp nhận một phần nội dung kháng cáo mà giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Riêng đối với bị cáo Dương Châu H, cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 05 năm tù về tội Tổ chức đánh bạc (đầu khung hình phạt) nên không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Theo đó thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đối với bị cáo H.

- Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Châu H, giữ nguyên BAHSST số 45/2026/HS-ST ngày 21/4/2026 của TAND Khu vực 2 – Quảng Ngãi.

- Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Dương Thị Hồ Đ, Huỳnh Ngọc T1, Đỗ Thị Kim T4, sửa BAHSST số 45/2026/HS-ST ngày 21/4/2026 của TAND Khu vực 2 – Quảng Ngãi theo hướng:

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Thị Hồ Đ 05 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T1 05 năm tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm n, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Kim T4 03 năm 09 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 BLTTHS: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Võ Trường H2, Nguyễn Minh M, Lê Quang H3, Nguyễn Thanh D1, Nguyễn Văn Đ2, Phan Minh K, sửa BAHSST số 45/2026/HS-ST ngày 21/4/2026 của TAND Khu vực 2 – Quảng Ngãi theo hướng:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Trường H2 100.000.000 đồng về tội “*Đánh bạc*”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh M 80.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Quang H3 70.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ2 50.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D1 45.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Minh K 40.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Về án phí: Buộc bị cáo Dương Châu H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Dương Thị Hồ Đ, Huỳnh Ngọc T1, Đỗ Thị Kim T4, Võ Trường H2, Lê Quang H3, Nguyễn Thanh D1, Nguyễn Văn Đ2, Phan Minh K, Nguyễn Minh M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo làm đơn kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Tại đơn kháng cáo bổ sung đề ngày 06/8/2026 của các bị cáo Dương Thị Hồ Đ, Huỳnh Ngọc T1 có nội dung các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt ở đầu khung. Xét việc thay đổi nội dung kháng cáo của các bị cáo Dương Thị Hồ Đ, Huỳnh Ngọc T1 phù hợp với quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận để xem xét.

Tại đơn kháng cáo bổ sung đề ngày 06/8/2026 của các bị cáo Võ Trường H2, Nguyễn Thanh D1 có nội dung giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tiền hoặc hưởng án treo, các bị cáo chỉ trình bày thêm trong đơn về lý do, căn cứ của việc kháng cáo nên không được xem xét là thay đổi, bổ sung kháng cáo theo Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, có đủ căn cứ khẳng định:

Từ tháng 01/2020 đến ngày 31/5/2023, lợi dụng kết quả xổ số kiến thiết của các tỉnh ở các đài M, Miền T9 và Miền B, Dương Thị Hồ Đ đã tổ chức đánh bạc dưới hình thức bán số lô, đề cho nhiều người đánh bạc để thắng thua bằng tiền. Sau khi bán số lô, đề cho những người chơi lô, đề thì Đ chuyển một phần tịch đề đã bán được cho Dương Châu H - là em ruột của Đ hưởng 19,5% của tổng số tiền đánh bạc trên tịch đề ở cả 03 đài M, M, M để hưởng hoa hồng, còn lại Đ giữ lại để trực tiếp thắng thua với người chơi lô, đề; sau đó H tiếp tục chuyển toàn bộ tịch đề nhận từ Đ cho T1 để hưởng tiền hoa hồng là 0,5% của tổng số tiền trên tịch đề ở cả 03 đài M, M và Miền B đã chuyển cho T1. Cụ thể:

Dương Châu H: Từ ngày 18/4/2022 đến ngày 31/5/2023 đã tổ chức đánh bạc với tổng số tiền 1.076.078.000đ (Một tỷ, không trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi tám nghìn đồng), trong đó tiền nhận tịch đề từ Đ là 1.028.022.000đ và tiền Đ chuyển số lô, số đề vào ngày 31/5/2023 là 48.056.000đ.

Huỳnh Ngọc T1: Từ ngày 18/4/2022 đến ngày 13/5/2022 đã tổ chức đánh bạc với tổng số tiền 1.639.222.000đ (Một tỷ, sáu trăm ba mươi chín triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn đồng), trong đó tiền nhận tịch đề từ H là 1.028.022.000đ và tiền thắng là 611.200.000đ.

Dương Thị Hồ Đ: Từ tháng 01/2020 đến ngày 31/5/2023 tổ chức đánh bạc tổng số tiền là 9.042.012.000đ (Chín tỷ, không trăm bốn mươi hai triệu, không trăm mười hai nghìn đồng), trong đó xác định được một số người đánh bạc như sau:

Đỗ Thị Kim T4 tham gia đánh bạc cộng tổng số tiền là 1.561.330.000đ, trong đó: Tiền trên tịch đề là 1.127.330.000đ và tiền thắng là 434.000.000đ, có 02 lần đánh bạc với số tiền từ 50.000.000đ trở lên vào các ngày 16/7/2022 đài M4 và ngày 02/8/2022 đài Miền B.

Võ Trường H2 tham gia đánh bạc tổng số tiền là 2.103.110.000đ, trong đó tiền trên tịch đề là 1.284.110.000đ và tiền thắng là 819.900.000đ, có 160 lượt số tiền đánh bạc mỗi lần trên 5.000.000đ, không có lần nào có số tiền đánh bạc từ 50.000.000đ trở lên.

Nguyễn Minh M tham gia đánh bạc tổng số tiền là 475.350.000đ, trong đó tiền trên tịch đề là 300.750.000đ và tiền thắng là 174.600.000đ, có 22 lượt số tiền đánh bạc mỗi lần trên 5.000.000đ, không có lần nào có số tiền đánh bạc từ 50.000.000đ trở lên.

Lê Quang H3 tham gia đánh bạc tổng số tiền là 286.630.000đ, trong đó tiền đánh bạc trên tịch đề là 189.330.000đ và tiền thắng là 97.300.000đ, có 22 lượt số tiền đánh bạc mỗi lần trên 5.000.000đ, không có lần nào có số tiền đánh bạc từ 50.000.000đ trở lên.

Nguyễn Văn Đ2 tham gia đánh bạc tổng số tiền là 134.055.000đ, trong đó tiền trên tịch đề là 113.055.000đ và tiền thắng là 21.000.000đ, có 12 lượt số tiền đánh bạc mỗi lần trên 5.000.000đ, không có lần nào có số tiền đánh bạc từ 50.000.000đ trở lên.

Nguyễn Thanh D1 tham gia đánh bạc tổng số tiền đánh bạc là 152.870.000đ, trong đó tiền trên tịch đề là 96.870.000đ và tiền thắng là 56.000.000đ, có 09 lượt số tiền đánh bạc mỗi lần trên 5.000.000đ, không có lần nào có số tiền đánh bạc từ 50.000.000đ trở lên,

Phan Minh K tham gia đánh bạc tổng số tiền 58.180.000đ, trong đó tiền trên tịch đề là 41.530.000đ và tiền thắng là 16.650.000đ, có 02 lượt số tiền đánh bạc mỗi lần trên 5.000.000đ, không có lần nào có số tiền đánh bạc từ 50.000.000đ trở lên.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Dương Thị Hồ Đ, Huỳnh Ngọc T1, Dương Châu H về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự, bị cáo Đỗ Thị Kim T4 về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các bị cáo Võ Trường H2, Nguyễn Minh M, Lê Quang H3, Nguyễn Thanh D1, Nguyễn Văn Đ2, Phạm Hồng H7, Phan Minh K cùng về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo

[3.1] Đối với bị cáo Dương Thị Hồ Đ, Huỳnh Ngọc T1, Đỗ Thị Kim T4:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đ, T1, T4 thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Đ và T1 đã tự nguyện nộp một phần số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ. Bị cáo T1 có nhân thân tốt, đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, gia đình có công với cách mạng (bị cáo có bà cố ngoại tên Võ Thị B1 là Bà mẹ Việt Nam Anh hùng). Bị cáo T4 là đang nuôi 03 con nhỏ dưới 15 tuổi, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn. Tại cấp phúc thẩm bị cáo Đ, T1 đã nộp đơn kháng cáo bổ sung, có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố nơi các bị cáo cư trú xác nhận hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, các bị cáo là lao động chính trong gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, tuy nhiên giảm một phần hình phạt tù cho các bị cáo Đ, T1, T4 cũng đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Do đó, Hội đồng xét xử xét căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo Dương Thị Hồ Đ, Huỳnh Ngọc T1, Đỗ Thị Kim T4.

[3.2] Xét kháng cáo của các bị cáo Võ Trường H2, Nguyễn Minh M, Lê Quang H3, Nguyễn Thanh D1, Nguyễn Văn Đ2, Phan Minh K:

Các bị cáo H2, M, H3, D1, Đ2, K phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, là tội phạm ít nghiêm trọng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 và Điều 35 Bộ luật Hình sự, hình phạt tiền có thể được áp dụng là hình phạt chính đối với người phạm tội ít nghiêm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo H2, M, H3, D1, Đ2, K tại phiên tòa đều khai nhận có khả năng thi hành hình phạt

tiền. Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Minh M đã nộp tài liệu thể hiện có bác ruột là liệt sỹ Nguyễn Minh Q, bà ngoại là cụ Nguyễn Thị C2 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo đang trực tiếp nuôi dưỡng dì ruột bị bệnh tâm thần, mất khả năng lao động, bị cáo Nguyễn Văn Đ2 đã nộp hết số tiền thu lợi bất chính 29.673.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự áp dụng thêm cho các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn Đ2, Võ Trường H2, Nguyễn Thanh D1, Lê Quang H3 nộp đơn kháng cáo bổ sung có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố nơi các bị cáo cư trú về hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bên cạnh đó, việc các bị cáo K, Đ2 đã nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính, các bị cáo D1, H2 đã tự nguyện nộp trước một phần tiền thu lợi bất chính, thể hiện quyết tâm sửa chữa sai lầm của các bị cáo.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền với mức tiền tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Võ Trường H2, Nguyễn Minh M, Lê Quang H3, Nguyễn Thanh D1, Nguyễn Văn Đ2, Phan Minh K, sửa bản án hình sự sơ thẩm, áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[3.3] Đối với bị cáo Dương Châu H: Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo 05 năm tù, bằng mức khởi điểm khung hình phạt theo khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Châu H, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Dương Châu H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của các bị cáo Dương Thị Hồ Đ, Huỳnh Ngọc T1, Đỗ Thị Kim T4, Võ Trường H2, Lê Quang H3, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Thanh D1, Phan Minh K được chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Châu H. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 45/2026/HS-ST ngày 21/4/2026 của Tòa án nhân khu vực 2 – Quảng Ngãi về phần hình phạt đối với bị cáo Dương Châu H.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Châu H 05 (năm) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2023 đến ngày 31/10/2023.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Dương Thị Hồ Đ, Huỳnh Ngọc T1, Đỗ Thị Kim T4. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2026/HS-ST ngày 21/4/2026 của Tòa án nhân khu vực 2 – Quảng Ngãi về phần hình phạt đối với các bị cáo Dương Thị Hồ Đ, Huỳnh Ngọc T1, Đỗ Thị Kim T4.

2.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Thị Hồ Đ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2023 đến ngày 31/10/2023.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T1 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2024 đến ngày 21/12/2024.

2.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Kim T4 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Võ Trường H2, Nguyễn Minh M, Lê Quang H3, Nguyễn Thanh D1, Nguyễn Văn Đ2, Phan Minh K. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2026/HS-ST ngày 21/4/2026 của Tòa án nhân khu vực 2 – Quảng Ngãi về phần hình phạt đối với các bị cáo Võ Trường H2, Nguyễn Minh M, Lê Quang H3, Nguyễn Thanh D1, Nguyễn Văn Đ2, Phan Minh K.

3.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Trường H2 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

3.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh M 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

3.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Quang H3 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

3.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ2 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

3.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D1 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

3.6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Minh K 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Dương Châu H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Dương Thị Hồ Đ, Huỳnh Ngọc T1, Đỗ Thị Kim T4, Võ Trường H2, Lê Quang H3, Nguyễn Thanh D1, Nguyễn Văn Đ2, Phan Minh K, Nguyễn Minh M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I-TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- CQ THAHS Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND, VKSND khu vực 2-Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh, Phòng THADS khu vực 2-Quảng Ngãi;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Diễn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thuận

Dương Thị Vân

Nguyễn Công Diễn